TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ QUY NHƠN** **TỈNH BÌNH ĐỊNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 280/2018/DS-ST
Ngày: 17-10-2018
V/v "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ QUY NHƠN, TỈNH BÌNH ĐỊNH

***-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Ngọc Dung
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Bà Cao Thị Chính
2. Ông Nguyễn Đình Thọ

***-Thư ký phiên tòa* :** Ông Lê Đức Phong là Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Quang Lâm – Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 10 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Quy Nhơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 291/2018/TLST-DS ngày 13/9/2018 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 138/2018/QĐXXST-DS ngày 01 tháng 10 năm 2018, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn* : - Bà *Lê Thị T* ; Sinh năm: 1971
Địa chỉ: Thôn H, xã N, TP. Quy Nhơn, T. Bình Định

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn là Luật sư Nguyễn Văn Triết – Văn phòng Luật sư Triết và cộng sự thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Bình Định.

2. *Bị đơn* : - Ông *Phan Thành S*; Sinh năm: 1962
- Bà *Trần Thị L* ; Sinh năm: 1966

Cùng địa chỉ: Thôn H, xã N, TP. Quy Nhơn, T. Bình Định.

3. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan :
- Ông *Phạm Đình B* ; Sinh năm: 1971

Địa chỉ: Thôn H, xã N, TP. Quy Nhơn, T. Bình Định.

(Các đương sự có mặt tại Tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện ngày 05/9/2018 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn và nguyên đơn bà Lê Thị Tthống nhất trình bày:*

Bà T và vợ chồng ông Phan Thành S bà Trần Thị L quen biết nhau vì sống cùng xã. Trước đây vợ chồng ông S bà L nhiều lần vay tiền của bà T (tên thường gọi là Lê Thị T) tổng cộng là 120.000.000đ, đến ngày 25/8/2017 vợ chồng ông S bà L vay thêm 60.000.000đ nên hai bên thống nhất lập lại hợp đồng vay với số tiền180.000.000đ, không có thời hạn, mục đích vay để lo chuyện gia đình, lãi suất thỏa thuận miệng. Số tiền này là tài sản riêng của bà T. Từ khi vay đến nay mặc dù bà T đã yêu cầu nhiều lần nhưng vợ chồng ông S bà L chưa trả tiền gốc và lãi. Hiện vợ chồng ông S bà L còn nợ bà T số tiền gốc là 180.000.000đ và tiền lãi vay là 1.350.000đ. Nay bà T yêu cầu vợ chồng ông S bà L phải trả một lần số tiền nợ gốc 180.000.000đ, còn tiền lãi bà không yêu cầu. Ngoài ra bà không yêu cầu gì khác.

** Bị đơn ông Phan Thành S bà Trần Thị L trình bày:*

Vợ chồng ông bà có quen biết bà T vì cùng là hàng xóm. Vợ chồng ông bà thống nhất như bà T đã trình bày ở trên, trước đó vợ chồng ông bà có vay của bà T nhiều lần với tổng số tiền 120.000.000đ, đến ngày 25/8/2017 thì vay thêm 60.000.000đ nên hai bên thống nhất thỏa thuận viết lại giấy vay tiền cộng lại tất cả tiền gốc và lãi vợ chồng ông bà vẫn còn nợ bà T là 180.000.000đ. Từ ngày 25/8/1017 cho đến nay vợ chồng ông bà vẫn chưa trả cho bà T tiền gốc và lãi nói trên. Vợ chồng ông bà thống nhất hiện còn nợ bà T số tiền gốc là 180.000.000đ và nợ lãi 1.350.000đ. Nay bà T yêu cầu vợ chồng ông bà phải trả 180.000.000đ tiền gốc và không yêu cầu tính lãi ông bà đồng ý nhưng vì hiện tại kinh tế gia đình rất khó khăn nên ông bà xin được trả dần số tiền trên mỗi tháng 4.000.000đ cho đến khi hết nợ. Ngoài ra ông bà không yêu cầu gì khác.

****** *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Phạm Đình B trình bày*: ông là chồng của bà Lê Thị T. Việc vợ ông có cho vợ chồng ông S bà L vay số tiền 180.000.000đ ông không biết, vì số tiền này là tiền riêng của vợ ông. Nay bà T yêu cầu vợ chồng ông S bà L phải trả số tiền nợ trên là đúng, ông không có ý kiến yêu cầu gì về số tiền trên. Ông đề nghị Tòa buộc vợ chồng ông S bà L phải trả cho bà T số tiền 180.000.000đ để bà T được nhận và sở hữu.

** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định phát biểu ý kiến như sau:*

Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Hướng giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX áp dụng các Điều 463, 466, 469 Bộ luật dân sự 2015 tuyên xử: Buộc ông S, bà L trả cho bà T số tiền 180.000.000đ. Về án phí: Ông S và bà L phải chịu án phí DSST theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Căn cứ vào đơn khởi kiện và lời trình bày của đương sự đối chiếu với các tài liệu chứng cứ có tại hồ sơ vụ án Tòa xác định quan hệ pháp luật là "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản". Bị đơn cư trú tại thôn H, xã N, TP. Quy Nhơn, T. Bình Định. Tòa án nhân dân thành phố Quy Nhơn thụ lý vụ án, giải quyết theo thẩm quyền quy định tại Điều 26, điểm a, khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung:

[2] Xét yêu cầu của bà Lê Thị T buộc vợ chồng ông Phan Thành S bà Trần Thị L có nghĩa vụ thanh toán 180.000.000 tiền gốc. HĐXX nhận định: Ngày 25/8/2017 bà T và vợ chồng ông S bà L thống nhất lập hợp đồng vay tiền thể hiện vợ chồng ông S bà L có vay của bà T180.000.000đ. Tại phiên Tòa vợ chồng ông S bà L công nhận hiện nay vẫn còn nợ bà T số tiền gốc là 180.000.000đ chưa trả là đúng. Nhưng ông bà gặp khó khăn về kinh tế nên ông bà xin được trả dần số tiền trên mỗi tháng 4.000.000đ cho đến khi hết nợ. Việc xin kéo dài thời gian trả nợ của vợ chồng ông S bà L không được bà T chấp nhận. Hiện ông B chồng bà T không có yêu cầu gì. Do đó HĐXX căn cứ vào các 463, 466, 469 Bộ luật Dân sự năm 2015 chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà T. Buộc ông Phan Thành S bà Trần Thị L có nghĩa vụ trả cho bà Lê Thị T 180.000.000đ là có căn cứ.

Về tiền lãi vay bà T tự nguyện không yêu cầu nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[3] Về án phí DSST: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, Điều 13, 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội ngày 30 tháng 12 năm 2016. Ông Phan Thành S bà Trần Thị L phải chịu án phí DSST trên số tiền bà T khởi kiện được chấp nhận nhưng được xét giảm ½ vì có hoàn cảnh kinh tế khó khăn có đơn xác nhận của UBND nơi ông bà cư trú.

[4] Tại phiên Tòa Luật sư Nguyễn Văn Triết: Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn đề nghị HĐXX căn cứ vào các Điều 463, 466 của BLDS năm 2015 tuyên xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc vợ chồng ông S, bà L phải trả cho bà T 180.000.000đ là phù hợp với nhận định của HĐXX.

[5] Tại phiên Tòa ý kiến đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định là phù hợp với nhận định của HĐXX.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào Điều 26, Điều 35, 39, 147, Bộ luật tố tụng dân sự 2015;
- Căn cứ vào các Điều 463, 466, 469 của BLDS năm 2015;

- Căn cứ Điều 13, 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội ngày 30 tháng 12 năm 2016.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị T.

2. Buộc ông Phan Thành S bà Trần Thị L có nghĩa vụ trả cho bà Lê Thị T số tiền 180.000.000đ (Một trăm tám mươi triệu đồng).

Ghi nhận sự tự nguyện không yêu cầu tính lãi của bà Lê Thị T.

Bác lời nại của ông S bà L xin trả dần số tiền trên.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

3. Về án phí:

- Ông Phan Thành S bà Trần Thị L phải chịu 4.500.000đ án phí Dân sự sơ thẩm (đã được xét giảm ½).

- Bà Lê Thị T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn lại cho bà Lê Thị T 4.534.000đ tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai số 0000348 ngày 13 tháng 9 năm 2018 của Chi cục thi hành án dân sự Tp.Quy Nhơn.

Các đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án,

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận*:**
- TAND tỉnh Bình Định;
- VKSND TP. Quy Nhơn;
- Chi cục THADS TP. Quy Nhơn;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký và đóng dấu)

Lê Thị Ngọc Dung

TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ QUY NHƠN** **TỈNH BÌNH ĐỊNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Quy Nhơn, ngày 17 tháng 10 năm 2018

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi 16 giờ 00 phút, ngày 17 tháng 10 năm 2018
Tại phòng nghị án Tòa án nhân dân thành phố Quy Nhơn, T. Bình Định
Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có :
- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa : Bà *Lê Thị Ngọc Dung*
- Các Hội thẩm nhân dân : 1. Bà *Cao Thị Chính*
2. Ông *Nguyễn Đình Thọ*

Tiến hành nghị án vụ án dân sự thụ lý số 291/2018/TLST-DS ngày 13/9/2018 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" giữa:

1. *Nguyên đơn* : - Bà *Lê Thị Tâm* ; Sinh năm: 1971
Địa chỉ: Thôn Hải Bắc, xã Nhơn Hải, TP. Quy Nhơn, T. Bình Định
Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn là Luật sư Nguyễn Văn Triết – Văn phòng Luật sư Triết và cộng sự thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Bình Định.

2. *Bị đơn* : - Ông *Phan Thành Sơn*; Sinh năm: 1962
- Bà *Trần Thị Lan* ; Sinh năm: 1966

Cùng địa chỉ: Thôn Hải Đông, xã Nhơn Hải, TP. Quy Nhơn, T. Bình Định.

3. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan :
- Ông *Phạm Đình Bình* ; Sinh năm: 1971

Địa chỉ: Thôn Hải Bắc, xã Nhơn Hải, TP. Quy Nhơn, T. Bình Định.
(Các đương sự có mặt tại Tòa)

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT, QUYẾT ĐỊNH THỐNG NHẤT CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào Điều 26, Điều 35, 39, 147, Bộ luật tố tụng dân sự 2015;
- Căn cứ vào các Điều 463, 466, 469 của BLDS năm 2015;
- Căn cứ Điều 13, 26 Nghị quyết số:326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội ngày 30 tháng 12 năm 2016. Thống nhất 3/3

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Tâm.

2. Buộc ông Phan Thành Sơn bà Trần Thị Lan có nghĩa vụ trả cho bàLê Thị Tâm số tiền 180.000.000đ(Một trăm tám mươi triệu đồng).

Ghi nhận sự tự nguyện không yêu cầu tính lãi của bà Lê Thị Tâm.

Bác lời nại của ông Sơn bà Lan xin trả dần số tiền trên.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015. Thống nhất 3/3.

3. Về án phí:

- Ông Phan Thành Sơn bà Trần Thị Lan phải chịu 4.500.000đ án phí Dân sự sơ thẩm (đã được xét giảm ½)

- Bà Lê Thị Tâm không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn lại cho bà Lê Thị Tâm 4.534.000đ tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai số 0000348 ngày 13 tháng 9 năm 2018 của Chi cục thi hành án dân sự Tp.Quy Nhơn. Thống nhất 3/3.

Các đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án,

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Thành viên hội đồng xét xử **Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà**